

NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH BỆNH TẬT TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA VỆ TINH ĐẶT TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BÌNH CHIỂU, QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2016-2018

Trần Minh Thái¹, Tăng Chí Thượng¹,
Đỗ Mai Hoa², Nguyễn Quỳnh Trúc³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định mô hình bệnh tật ở các bệnh nhân tại phòng khám đa khoa vệ tinh của Bệnh viện Quận Thủ Đức đặt tại trạm y tế phường Bình Chiểu và mô tả xu hướng thay đổi lượng bệnh nhân từ năm 2016-2018. **Phương pháp:** Khảo sát 57.750 hồ sơ bệnh án tại phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu thời gian vào viện và ra viện nằm trong khoảng từ tháng 07/2016-31/12/2018. **Kết quả:** Xét về số lượt bệnh tại PKĐKVT đặt tại trạm y tế phường Bình Chiểu tăng từ năm 2016 là 17 lượt/ngày, 2017 là 66 lượt/ngày, 2018 là 76 lượt/ngày. Số lượng người bệnh đạt đỉnh trong khoảng 3 nhóm gồm trẻ em, khoảng tuổi lao động 25 đến 30 tuổi và khoảng tuổi 60. Tỷ lệ nữ cao hơn nam trong cả 3 năm khảo sát. Tỷ lệ cao nhất ở phòng khám Nội tổng hợp với 19.161 người bệnh khám và điều trị, tiếp theo là phòng khám Tai Mũi Họng với 18.342 người bệnh. Đa số lượng người bệnh theo chương bệnh tăng từ năm 2016 đến năm 2018. Số lượng bệnh cao nhất ở Chương 10, năm 2016 là 2.721 người bệnh và tăng cao hơn 7 lần vào năm 2017 là 14.680 người, năm 2018 là 15.769 người. Đối với các chương bệnh còn lại, số lượng người bệnh tăng theo năm nhưng không tăng cao quá 2 lần so với năm liền kề. Số lượng người bệnh có xu hướng biến đổi theo mùa, tăng cao vào các tháng cuối năm. **Kết luận:** xác định mô hình bệnh tật, xu hướng bệnh giúp nhà quản lý có sự thay đổi linh hoạt về chiến lược tiếp cận bệnh nhân, nhằm phân bổ nguồn lực y tế hợp lý để từ đó cung cấp dịch vụ y tế tốt nhất cho cộng đồng.

Từ khóa: mô hình bệnh tật, phòng khám vệ tinh, Bình Chiểu.

SUMMARY

STUDY ON DISEASE MODEL AT SATELLITE POLYCLINIC LOCATED AT HEALTH STATION IN BINH CHIEU WARD, THU DUC DISTRICT, HO CHI MINH CITY, FROM YEAR 2016 TO 2018

Objective: To determine the disease pattern in patients at the satellite general clinic of Thu Duc District Hospital located at the Binh Chieu ward health station and describe the trend of changes in the number of patients from 2016-2018. **Methods:** Surveying 57,750 medical records at satellite polyclinic

in Binh Chieu ward, the time of admission and discharge was from July 2016 to December 31, 2018. **Result:** In terms of the number of patients at the General Hospital located at the medical station of Binh Chieu ward, the increase from 2016 was 17 times/day, in 2017 it was 66 times/day, in 2018 it was 76 times/day. The number of patients peaked in about 3 groups including children, about 25 to 30 years old and about 60 years old. The percentage of women was higher than that of men in all 3 years of the survey. The highest rate was in the General Internal Medicine clinic with 19,161 patients for examination and treatment, followed by the ENT clinic with 18,342 patients. The majority of patients by disease chapter increased from 2016 to 2018. The highest number of patients in Chapter 10, 2016 was 2,721 patients and increased 7 times higher in 2017 to 14,680 people, in 2018 to 15,769 people. For the remaining disease chapters, the number of patients increases year by year but does not increase more than 2 times compared to the previous year. The number of patients tends to change seasonally, increasing in the last months of the year. **Conclusion:** identifying disease patterns and disease trends helps managers to make flexible changes in patient access strategies, in order to allocate medical resources reasonably to provide good medical services. best for the community.

Keywords: disease model, satellite clinic, Binh Chieu.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng quá tải là phổ biến tại hầu hết các bệnh viện, đặc biệt quá tải trầm trọng ở tuyến trung ương và tuyến tỉnh [1]. Theo các nghiên cứu trên thế giới cho thấy, mô hình phòng khám vệ tinh đã mang lại một số lợi ích như tiết kiệm được thời gian đi lại của người bệnh, tăng số lượng người bệnh được phục vụ, giảm chi phí khám chữa bệnh [8],[9].

Mô hình bệnh tật của một quốc gia hay một địa phương, một cộng đồng là sự phản ánh tình hình sức khỏe, tình hình kinh tế - xã hội của quốc gia hay cộng đồng đó. Vì vậy, xác định mô hình bệnh tật, xu hướng bệnh tại bệnh viện hay phòng khám giúp nhà quản lý có sự thay đổi linh hoạt về chiến lược tiếp cận bệnh nhân, nhằm phân bổ nguồn lực y tế hợp lý để từ đó cung cấp dịch vụ y tế tốt nhất cho cộng đồng.

Bệnh viện Quận Thủ Đức nằm trong hệ thống Y tế công lập, là Bệnh viện hạng I với quy mô 800 giường bệnh Số lượt bệnh nhân đến khám và điều trị cao dẫn đến tình trạng quá tải thường

¹Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh,

²Trường Đại học Y tế công cộng, Hà Nội,

³Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, TP HCM.

Chịu trách nhiệm chính: Trần Minh Thái

Email: tranminhthai7245@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 4.10.2021

Ngày duyệt bài: 12.10.2021

xuyên; mỗi ngày tiếp nhận từ 6000 – 7000 bệnh, cấp cứu từ 120 – 180 lượt. Năm 2016, Bệnh viện Thủ Đức triển khai thí điểm phòng khám đa khoa vệ tinh (PKĐKVT) của Bệnh viện quận Thủ Đức đặt tại Trạm y tế phường Bình Chiểu. Nghiên cứu được thực hiện nhằm 2 mục tiêu:

1. *Xác định mô hình bệnh tật ở các bệnh nhân tại phòng khám đa khoa vệ tinh của Bệnh viện Quận Thủ Đức đặt tại trạm y tế phường Bình Chiểu*

2. *Mô tả xu hướng thay đổi lượng bệnh nhân từ năm 2016-2018*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu: Tất cả bệnh nhân điều trị tại phòng khám đa khoa vệ tinh của Bệnh viện Quận Thủ Đức đặt tại trạm y tế phường Bình Chiểu, trong khoảng thời gian từ 19/07/2016-31/12/2018.

2.2. Phương pháp

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu hồi cứu, cắt ngang mô tả

- Nội dung nghiên cứu: Hồi cứu tất cả bệnh án các bệnh nhân điều trị tại phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu từ ngày 19/07/2016 đến 31/12/2018. Dữ liệu được hồi cứu từ bệnh án lưu trữ trên máy tính của bệnh viện bằng phần mềm MQHIS. Các chẩn đoán được phân loại theo mã ICD-10, chẩn đoán lựa chọn vào nghiên cứu là chẩn đoán chính lúc ra viện. Dựa vào các chương trình Y tế Quốc gia cùng với nhận định mô hình bệnh tật chung của cả nước trong giai đoạn hiện nay từ đó xác định ra các bệnh có tính chất quan trọng.

- Các chỉ số nghiên cứu: Đặc điểm chung về tuổi, giới, nghề nghiệp...của đối tượng nghiên cứu; Mô hình bệnh tật theo chương bệnh, nhóm bệnh và thời gian; Xu hướng bệnh từ năm 2016 đến năm 2018

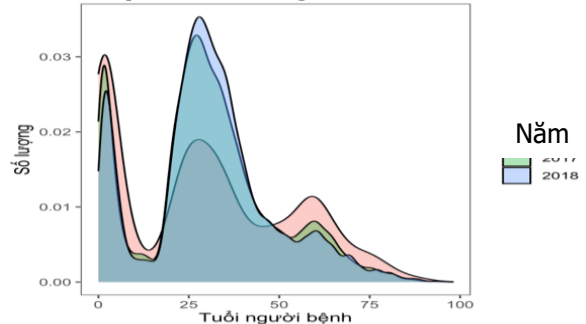
2.3. Phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu. Dữ liệu thu thập được mã hóa, làm sạch, nhập liệu bằng phần mềm Epidata 3.1, phân tích bằng phần mềm STATA 14.0, R 4.0.1.

2.4. Đạo đức trong nghiên cứu. Đề tài đã được Hội đồng đạo đức của trường Đại học Y tế công cộng và Sở Y tế TPHCM chấp thuận thông qua trước khi triển khai. Quyền lợi và thông tin cá nhân của đối tượng được bảo vệ theo đúng quy định.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu thực hiện trên 57.750 người bệnh đến khám và điều trị tại phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu từ năm 2016-2018. Số lượng người bệnh tăng từ năm 2016 đến năm 2018.

3.1. Đặc điểm thông tin hành chính



Biểu đồ 3.1. Phân bố tuổi của người bệnh điều trị tại PKĐKVT từ 2016-2018

Trong năm 2016, đa số người bệnh là trẻ em, số lượng giảm dần đến khoảng 14 tuổi thì tăng trở lại trong khoảng tuổi 25 đến 30 tuổi. Điều này khác biệt so với năm 2017 và 2018, số lượng người bệnh đạt đỉnh lại tập trung ở nhóm tuổi lao động từ 25 đến 30 tuổi, mức cao thứ hai mới là trẻ em và thấp nhất là người bệnh trong khoảng 60 tuổi. Xét trong cả 3 năm điều tra, số lượng người bệnh đạt đỉnh cao nhất là ở độ tuổi 28 vào năm 2018.

Bảng 3.1. Đặc điểm nhóm tuổi người bệnh điều trị tại PKĐKVT từ 2016-2018

Đặc điểm	Năm 2016 (n=6133)	Năm 2017 (n=24072)	Năm 2018 (n=27545)	Tổng (n=57750)
<18 tuổi	2.108(17,6)	4.909(41,1)	4.940(41,3)	11.957(100)
18 – 29 tuổi	1.187(7,0)	7.297(43,1)	8.442(49,9)	16.926(100)
30 – 49 tuổi	1.375(6,9)	8.201(41,1)	10.389(52,0)	19.965(100)
≥ 50 tuổi	1.463(16,4)	3.665(41,2)	3.774(42,4)	8.902(100)

Số lượng người bệnh tăng từ năm 2016 đến năm 2018 trong cả 4 nhóm tuổi. Trong tổng số người bệnh ở nhóm dưới 18 tuổi, từ 17,6% vào năm 2016, tăng lên 41,1% năm 2017 và 41,3% năm 2018. Tương tự, nhóm từ 50 tuổi trở lên có mức tăng tương đồng với nhóm dưới 18 tuổi. Ở nhóm 18-29 tuổi, tỷ lệ 7,0% năm 2016 và tăng mạnh lên 43,1% năm 2017, 49,9% năm 2018. Nhóm 30-49 tuổi có mức tăng tương tự với nhóm 18-29 tuổi.

Bảng 3.2. Đặc điểm về giới tính của người bệnh từ 2016-2018

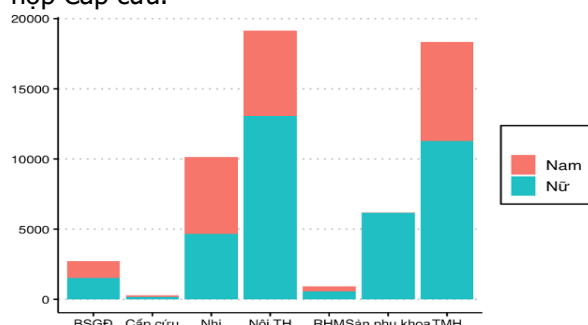
Giới tính	Năm 2016 (n=6133)	Năm 2017 (n=24072)	Năm 2018 (n=27545)	Tổng (n=57750)
Nam	2.490(12,2)	8.416(41,4)	9.422(46,3)	20.328(100)
Nữ	3.643(9,7)	15.656(41,8)	18.123(48,1)	37.422(100)

Đa số người bệnh là nữ, chiếm tỷ lệ cao hơn nam trong cả 3 năm khảo sát. Tỷ lệ nam ở năm 2016 là 12,2%, tăng lên 41,4% ở năm 2017 và tiếp tục tăng lên 46,3% năm 2018. Tương tự, tỷ lệ nữ năm 2016 là 9,7%, tăng lên 41,8% năm 2017 và 48,1% năm 2018.

Bảng 3.3. Đặc điểm về chuyên khoa của người bệnh điều trị tại PKĐKVT từ 2016-2018

Tên phòng	Năm 2016 (n=6133)	Năm 2017 (n=24072)	Năm 2018 (n=27545)	Tổng (n=57750)
Phòng Cấp cứu	0(0,0)	303(100,0)	0(0,0)	303(100,0)
Phòng khám Bác sỹ gia đình	44(1,6)	741(27,4)	1.921(71,0)	2706(100,0)
Phòng khám Nhi	2.001(19,8)	4.016(39,7)	4.110(40,6)	10127(100,0)
Phòng khám Nội tổng hợp	4.002(20,9)	7.022(36,6)	8.137(42,5)	19161(100,0)
Phòng khám Răng Hàm Mặt	85(9,3)	348(37,9)	484(52,8)	917(100,0)
Phòng khám Sản phụ khoa	1(0,0001)	2.543(41,1)	3.650(58,9)	6194(100,0)
Phòng khám Tai Mũi Họng	0(0,0)	9.099(49,6)	9.243(50,4)	18342(100,0)

Phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu đã triển khai 7 chuyên khoa từ năm 2016 đến 2018, tỷ lệ cao nhất ở phòng khám Nội tổng hợp với 19.161 người bệnh khám và điều trị, tiếp theo là phòng khám Tai Mũi Họng với 18.342 người bệnh. Số lượng người bệnh ở từng chuyên khoa tăng từ năm 2016 đến 2018. Năm 2016 không ghi nhận trường hợp bệnh nhân khám Tai Mũi Họng và năm 2018 không ghi nhận trường hợp Cấp cứu.



Biểu đồ 3.2. Phân số người bệnh theo chuyên khoa và giới tính

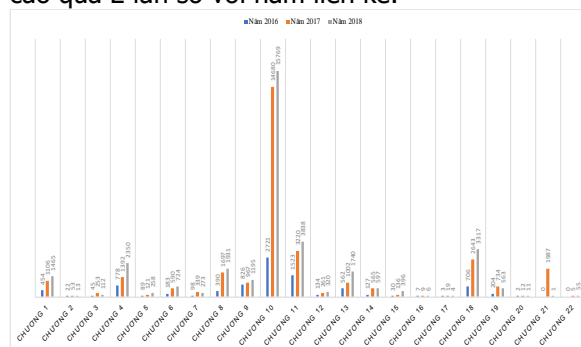
Biểu đồ 3.2 cho thấy, trong 7 chuyên khoa tỷ lệ nữ cao hơn nam.

3.1.3. Phân bố chương bệnh theo thời gian

Nghiên cứu cho thấy đa số người bệnh đến khám và điều trị tại Phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu thuộc Chương 10 Bệnh hệ hô hấp (33.170 người, chiếm 57,4% số lượng người bệnh trong 3 năm), tiếp theo là Chương 11 Bệnh hệ tiêu hoá (8581 người).

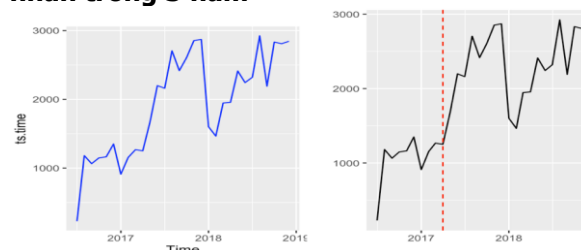
Số lượng người bệnh theo chương bệnh tăng từ năm 2016 đến năm 2018. Số lượng bệnh cao nhất ở Chương 10 và tăng cao hơn 7 lần vào năm. Đối với các chương bệnh còn lại, số lượng

người bệnh tăng theo năm nhưng không tăng cao quá 2 lần so với năm liền kề.



Biểu đồ 3.3. Phân bố người bệnh theo Chương bệnh và năm

3.2. Phân bố dữ liệu về số lượng bệnh nhân trong 3 năm



Biểu đồ 3.4. Dữ liệu người bệnh theo từng tháng trong 3 năm 2016 đến 2018

Chu kỳ mang tính mùa và xu hướng năm. Số lượng người bệnh thường cao nhất vào những tháng cuối năm, dao động từ khoảng tháng 6, tăng cao thấy rõ vào khoảng tháng 8 cho đến tháng 12.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Mô tả cơ cấu bệnh tật của người bệnh điều trị tại PKĐKVT từ 2016-2018.

Nghiên cứu thực hiện trên 57.750 người bệnh đến khám và điều trị tại phòng khám đa khoa vệ tinh phường Bình Chiểu từ năm 2016-2018. Xét về số lượt bệnh tại PKĐKVT đặt tại trạm y tế phường Bình Chiểu tăng từ năm 2016 là 17 lượt/ngày, 2017 là 66 lượt/ngày, 2018 là 76 lượt/ngày. Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Lê Thục Đoan cho thấy, nhờ sự đầu tư về mô hình PKĐKVT tại quận Thủ Đức với lượt khám bệnh, chữa bệnh cao nhất trong 24 đơn vị y tế đặt tại trạm và trạm y tế [4].

Tuổi. Số lượng người bệnh đạt đỉnh trong khoảng 3 nhóm: trẻ em, khoảng tuổi lao động 25 đến 30 tuổi và khoảng tuổi 60. Kết quả cho thấy tuổi trung bình của người bệnh đến khám và điều trị tại PKĐKVT thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Tô Bảo Hoàng năm 2020 cho thấy trong 3 năm (2016-2018) người bệnh ở độ tuổi lao động (15-59 tuổi) luôn ổn định và chiếm tỷ lệ cao nhất, trong khi độ tuổi dưới 15 tuổi rất thấp [7].

Giới tính. Đa số người bệnh là nữ, chiếm tỷ lệ cao hơn nam trong cả 3 năm khảo sát. Kết quả tương tự nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hồng tại Bệnh viện Quận Thủ Đức từ năm 2014-2018 cho thấy 71,17 nam/100 nữ và tỷ số này thay đổi không đáng kể qua từng năm [5], tương tự kết quả tại Bệnh viện quận Tân Phú[2], Bệnh viện đa khoa Sài Gòn [7].

Phân bố theo chuyên khoa. Phòng khám đa khoa vệ tinh đã triển khai 7 chuyên khoa từ năm 2016 đến 2018, tỷ lệ cao nhất ở phòng khám Nội tổng hợp với 19.161 người bệnh khám và điều trị, tiếp theo là phòng khám Tai Mũi Họng với 18.342 người bệnh. Kết quả tương tự nghiên cứu tại Bệnh viện đa khoa Sài Gòn cho thấy cho thấy khoa Nội có số khám cao nhất chiếm 1/3 tổng số khám của bệnh viện, 1/3 tiếp theo là thuộc các khoa Tai Mũi Họng và Chấn thương chỉnh hình và lão khoa [7]. Hay tương tự nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Vỹ tại các trạm y tế huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cho thấy đa số người bệnh lựa chọn khám Nội tại trạm y tế là 47,1% [6].

4.2. Phân tích xu hướng về số lượng bệnh nhân. Nghiên cứu cho thấy đa số người bệnh thuộc Chương 10 bệnh về hệ hô hấp chiếm 57,4%. Kết quả tương đồng với nghiên cứu tại Bệnh viện Quận Thủ Đức từ năm 2014-2018 cho thấy chương bệnh có tỷ lệ cao nhất là bệnh hô hấp 16,93% [5]. Điều này cho thấy mô hình bệnh tật của Quận Thủ Đức nói chung cũng như phường Bình Chiểu nói riêng tương đồng nhau, đồng thời cũng cho thấy sự phối hợp tốt trong

việc luân chuyển bệnh nhân điều trị từ Bệnh viện quận Thủ Đức về PKĐKVT.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu có sự khác biệt so với một số nghiên cứu khác, tại Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn cho thấy tổng từ năm 2016-2018 có 4 Chương bệnh tỷ lệ cao nhất là hệ tuần hoàn (C.9) [7]. Kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Quang Vinh tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh cho thấy tỷ lệ cao nhất là bệnh về tuần hoàn (chương 9) với 27,9%, các bệnh về đường hô hấp (chương 10) với 17% [3]. Tại PKĐKVT phường Bình Chiểu, Chương 9 hệ tuần hoàn nằm trong nhóm 10 Chương bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất trong số 21 chương, tuy nhiên tỷ lệ người bệnh thuộc nhóm này không cao như trong các nghiên cứu khác. Điều này cho thấy đa phần những trường hợp bệnh về tuần hoàn như tăng huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, ...thường được điều trị tại Bệnh viện quận Thủ Đức hoặc các phòng khám lân cận.

Số lượng bệnh cao nhất ở Chương 10, năm 2016 là 2.721 người bệnh và tăng cao hơn 7 lần vào năm 2017. Đối với các chương bệnh còn lại, số lượng người bệnh tăng theo năm nhưng không tăng cao quá 2 lần so với năm liền kề. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu cao của người bệnh trong điều trị các bệnh lý hô hấp, do đó Bệnh viện Quận Thủ Đức cần tăng cường thêm nguồn lực tại PKĐKVT.

4.1.4. Phân tích xu hướng về số lượng bệnh nhân. Nghiên cứu cho thấy lượng bệnh nhân tại PKĐKVT chu kỳ mang tính mùa và xu hướng năm. Số lượng người bệnh thường cao nhất vào những tháng cuối năm, thường dao động từ khoảng tháng 6, tăng cao thấy rõ vào khoảng tháng 8 cho đến tháng 12. Điều này cho thấy, sự phân bố lượng bệnh không đều trong một năm hoạt động, vì vậy Bệnh viện Quận Thủ Đức và PKĐKVT phường Bình Chiểu cần xây dựng kế hoạch phân bổ nhân lực y tế phù hợp theo từng tháng và theo Quý. Đặc biệt là từ tháng 6 cần bắt đầu lên kế hoạch tăng cường nhân lực tại PKĐKVT, từ tháng 8 thì PKĐKVT phải đảm bảo đủ nguồn lực phục vụ cho người bệnh tăng cao. Đồng thời bố trí sẵn xe chuyên chở để phòng trường hợp cấp cứu hoặc chuyển tuyến vào các thời điểm đông bệnh.

V. KẾT LUẬN

Qua đánh giá cho thấy phòng khám hiện đang đáp ứng những nhu cầu cơ bản. Số lượng người bệnh đến khám và điều trị từ năm 2016-2018 là 57.750 người tăng dần từ 2016 đến 2018. Số lượng người bệnh có xu hướng biến đổi

theo mùa, tăng cao vào các tháng cuối năm. Phòng khám đã triển khai 7 chuyên khoa từ năm 2016 đến 2018, tỷ lệ cao nhất ở phòng khám Nội tổng hợp và phòng khám Tai Mũi Họng.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này nhận được sự hỗ trợ lớn từ Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh và Bệnh viện Quận Thủ Đức trong quá trình thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Quang Cường, Lý Ngọc Kính, Khương Anh Tuấn, Trần Thị Mai Oanh, Trịnh Ngọc Thành, Nguyễn Thị Minh Hiếu, et al. (2011)** Nghiên cứu thực trạng quá tải, dưới tải của hệ thống bệnh viện các tuyến và đề xuất giải pháp khắc phục, <https://goo.gl/IzIXef>,
2. **Lương Văn Sinh, Đinh Thanh Hưng, Nguyễn Văn Tập (2017)** "Mô hình bệnh tật tại bệnh viện Quận Tân Phú năm 2016". Tạp chí Y học Việt Nam, tr.207-213.
3. **Nguyễn Quang Vinh, Lê Thị Mỹ Hạnh (2019)** "Mô hình bệnh tật của bệnh nhân đến khám và điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2017". Tạp chí Y học thực hành, Số 10 (1114), 98-101.
4. **Nguyễn Lê Thục Đoàn, Nguyễn Thanh Hiệp (2019)** "Thực trạng triển khai mô hình trạm y tế

hoạt động theo nguyên lý y học gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 - 2019". Tạp chí Y học cộng đồng, Số 1 (54), 119-123.

5. **Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Minh Quân (2019)** "Xác định mô hình bệnh tật ở các bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Quận Thủ Đức giai đoạn 2014 - 2018". Tạp chí Y học thực hành, Số 10 (1114), 73-78.
6. **Nguyễn Văn Vỹ, Nguyễn Thanh Bình, Võ Thị Kim Anh (2020)** "Sự hài lòng của người bệnh và một số yếu tố liên quan đến sử dụng dịch vụ Khám chữa bệnh tại các trạm y tế huyện Bàu Bàng, Bình Dương năm 2019". Tạp chí Y học cộng đồng, Số 1 (54), 54-61.
7. **Nguyễn Tô Bảo Hoàng, Dương Đình Công (2020)** "Cơ cấu bệnh tật người bệnh điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn thành phố Hồ Chí Minh năm 2016-2018". Tạp chí Y học cộng đồng, Số 1 (54), 3-8.
8. **Irence C.Kuo (2013)** "Satellite clinics in academic ophthalmology programs: an exploratory study of successes and challenges". BMC Ophthalmology, 13 (79), pp.1-6.
9. **Jennifer Hamm, Lee Hilliard, Thomas Howard, Jeffrey Lebensburger (2016)** "Maintaining High Level of Care at Satellite Sickle Cell Clinics". Journal of Health Care for the Poor and Underserved, 27 (1), 280-292.

KHẢO SÁT CÁC TỔN THƯƠNG BÀN TAY Ở BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 TẠI BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN

Lê Minh Thuận¹, Nguyễn Vĩnh Ngọc²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát các tổn thương bàn tay ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 và một số yếu tố liên quan đến các tổn thương đó. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang với 91 bệnh nhân có tổn thương cổ bàn tay trên 1054 bệnh nhân đái tháo đường đến khám tại khoa Nội tổng hợp, bệnh viện Bưu Điện. Đánh giá tổn thương bàn cổ tay dựa trên điểm đau VAS, thang điểm BOSTON, hội chứng ống cổ tay; đánh giá tổn thương gân dạng dài duỗi ngón, gân gấp và dây thần kinh giữa qua siêu âm. **Kết quả:** Tỷ lệ tổn thương bàn cổ tay trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 là 8,6%. Tỷ lệ tổn thương các cấu trúc giải phẫu vùng cổ bàn tay là: 70,3% tổn thương gân gấp; 60,4% tổn thương dây thần kinh giữa, 6,6% tổn thương khớp, 2,2% tổn thương gân dạng dài duỗi ngón. Đặc điểm lâm sàng tổn thương vùng bàn cổ tay: Chủ yếu bệnh nhân có cường độ đau vừa với 70,3%, sau đó là đau ít là

12,1% và ít nhất là đau nhiều với 2,2%; giá trị trung bình thang điểm VAS là 3.76 ± 1.86 ; mức độ hạn chế vận động, cảm giác BOSTON đạt giá trị 1.34 ± 0.56 ; trên siêu âm thấy 60,5% có tổn thương dây thần kinh giữa với diện tích trung bình là: 11.487 ± 2.195 mm. Các yếu tố liên quan đến tổn thương bàn cổ tay là sự kiểm soát đường huyết; chỉ số HbA1c; tuổi, thời gian mắc bệnh, tiền sử tăng huyết áp và tình trạng thừa cân béo phì. **Kết luận:** Tỷ lệ tổn thương bàn cổ tay ở bệnh nhân đái tháo đường là 8,63%; Tổn thương vùng cổ tay chủ yếu là tổn thương gân gấp (70,3%) ; tổn thương dây thần kinh giữa (60,4%). Các yếu tố liên quan đến tổn thương vùng bàn cổ tay là: tình trạng kiểm soát đường huyết, chỉ số HbA1c, tuổi tác, thời gian mắc bệnh, tiền sử tăng huyết áp và thừa cân béo phì.

Từ khóa: đái tháo đường, tổn thương bàn cổ tay, gân gấp, gân dạng dài duỗi ngón, dây thần kinh giữa

SUMMARY

SURVEY OF HAND INJURIES IN PATIENTS TYPE 2 DIABETES MELLITUS AT THE HOSPITAL OF POST AND TELECOMMUNICATIONS

Objective: To investigate hand injuries in patients with type 2 diabetes mellitus and some factors related to such lesions. **Methods:** A cross-sectional descriptive study with 91 patients with wrist lesions on 1054 diabetic patients who visited the Department of

¹Bệnh viện Bưu Điện

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Vĩnh Ngọc

Email: vinhngoc@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 5.10.2021

Ngày duyệt bài: 14.10.2021